CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Ngày 31/12/2024	2,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-6.7%**	**-**

DT thuần
Q4/24
130
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00| -2.3%
YoY: ▲ 21.0| 19.2%

LN thuần
Q4/24
2.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.03| -47.2%
YoY: ▲ 25.1| 110%

LN sau thuế
Q4/24
33.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.1| 956%
YoY: ▼23.0| -41.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
51.6%
YoY: +/-▼ 86.4%

ROE
2024
-27.7%
YoY: +/-▲ 18.7%

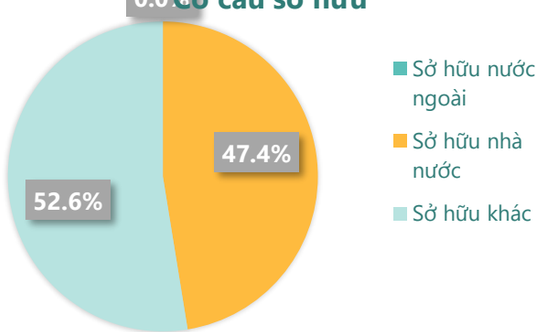
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,600 - 4,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	193
Số lượng CPLH (CP)	68,999,337
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,965
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.49
EPS	3,158
P/E	0.9

DT thuần
2024
496
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 58.0| 13.3%

LN thuần
2024
-0.64
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 87.2| 99.3%

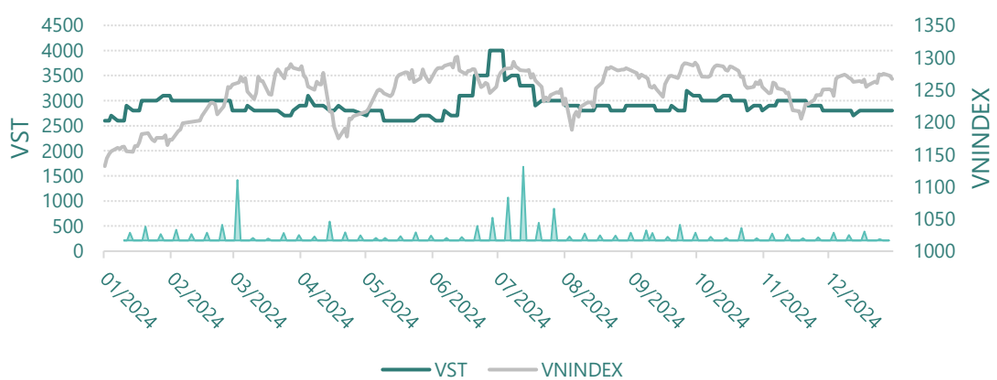
LN sau thuế
2024
218
tỷ VNĐ
YoY: ▼340| -60.9%

Cơ cấu sở hữu

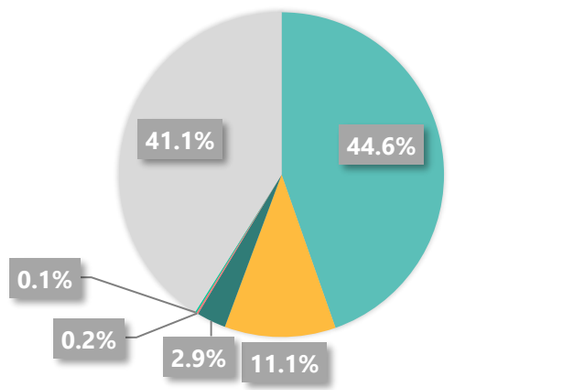


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



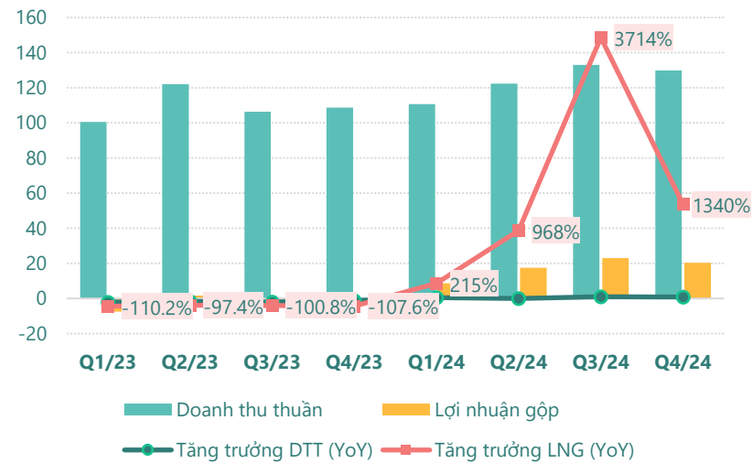
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

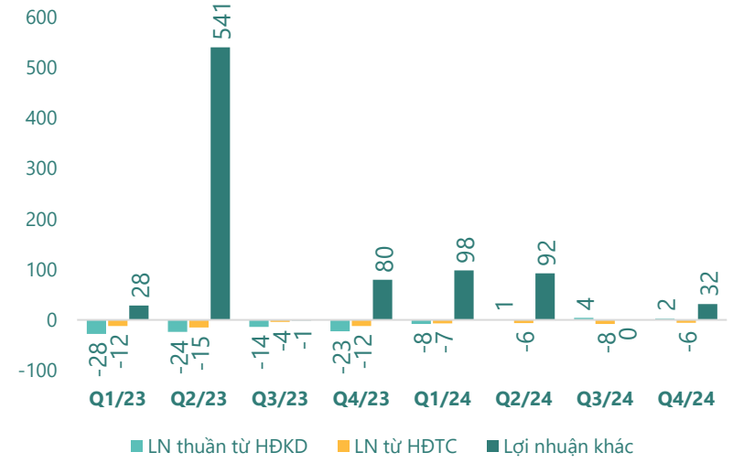
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



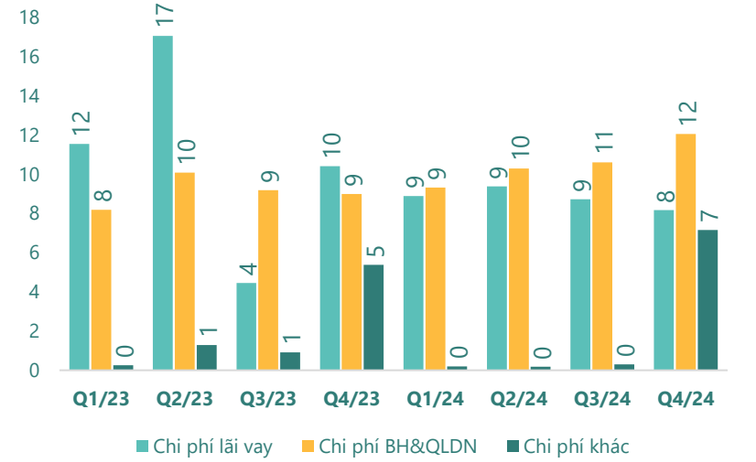
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



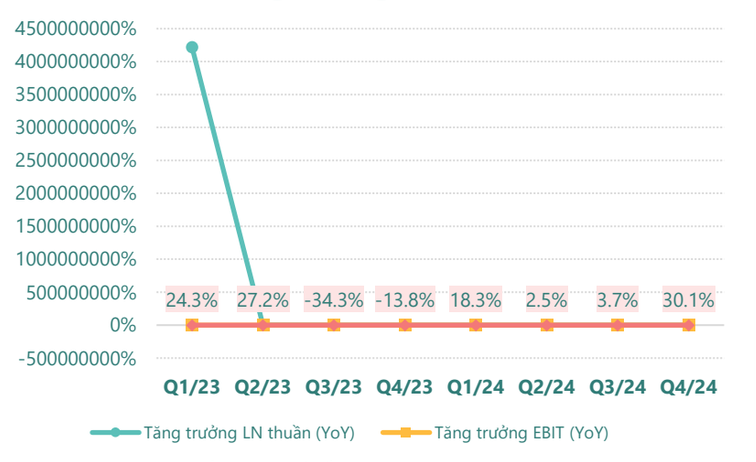
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



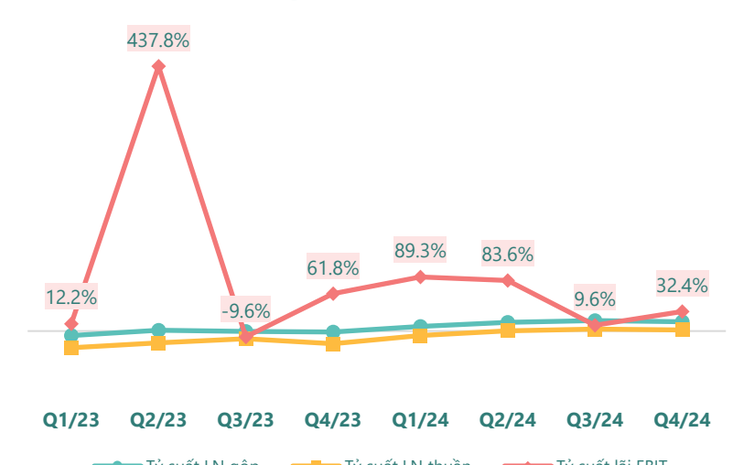
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



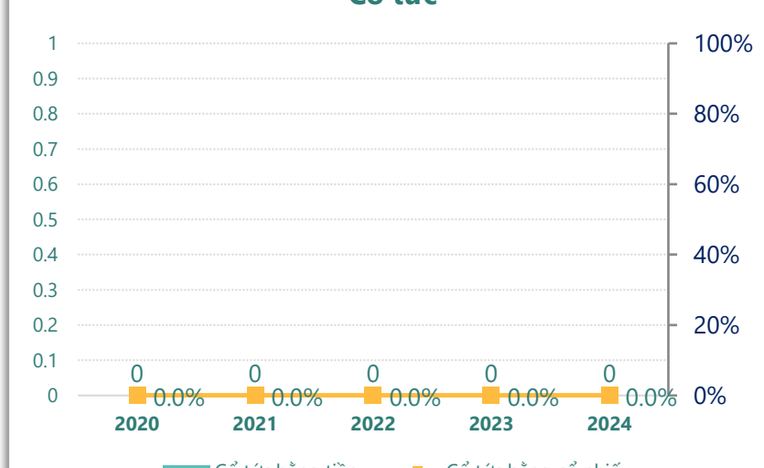
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

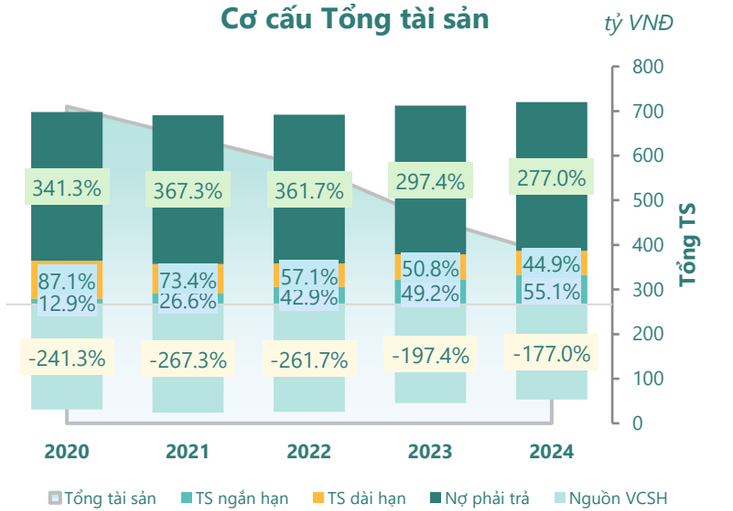
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

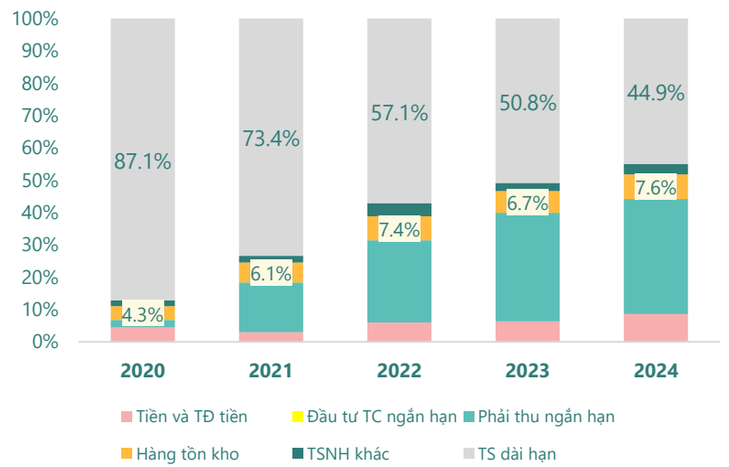
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



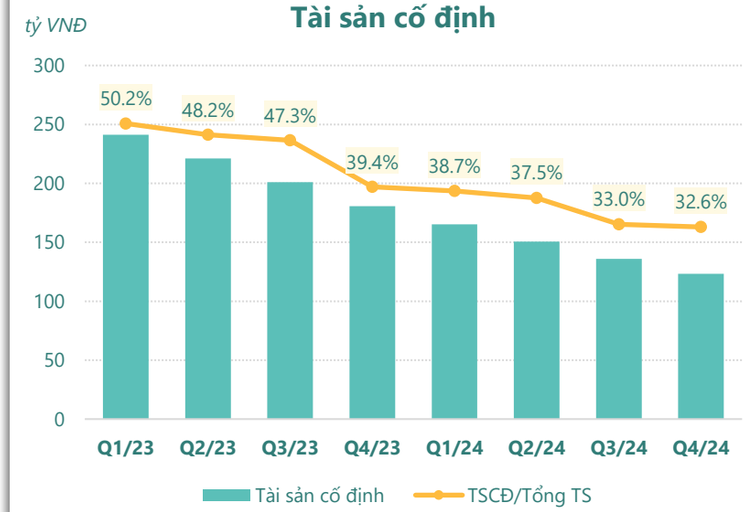
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



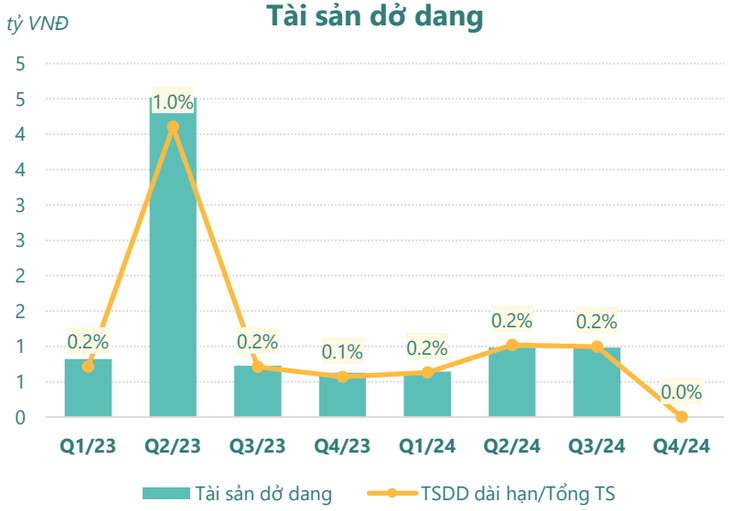
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



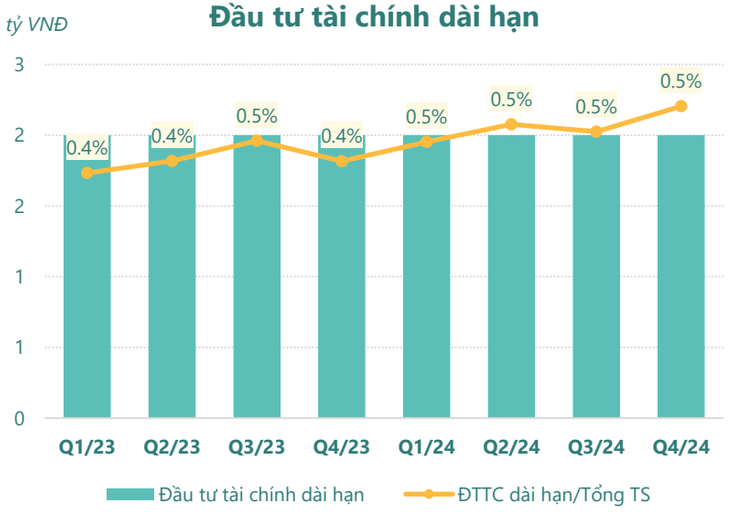
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



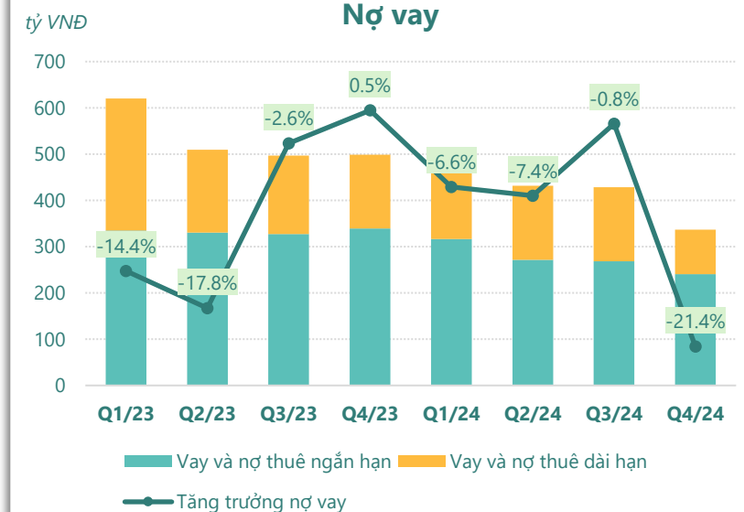
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

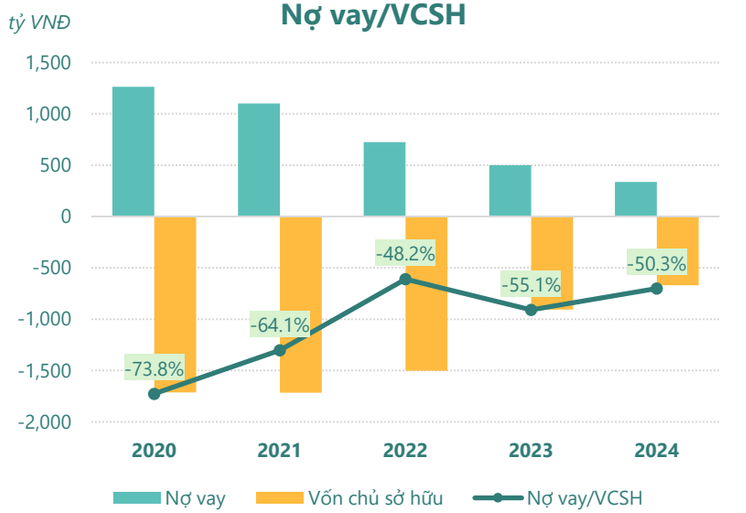
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

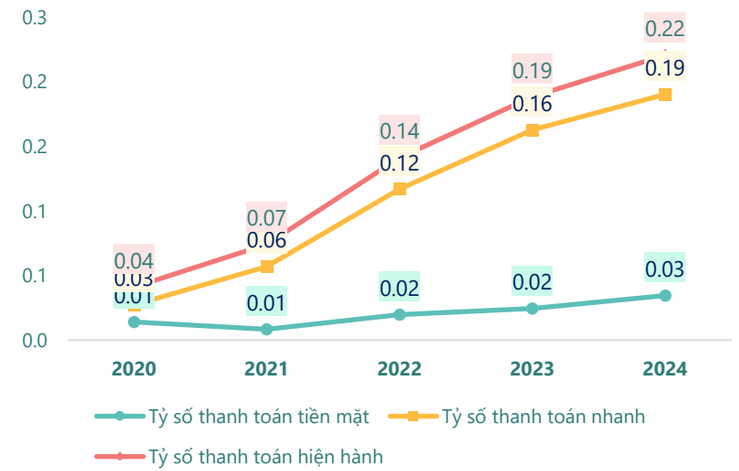
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



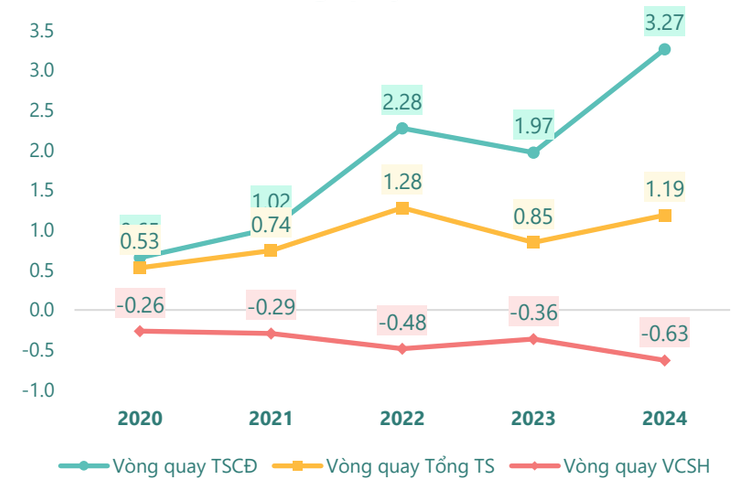
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



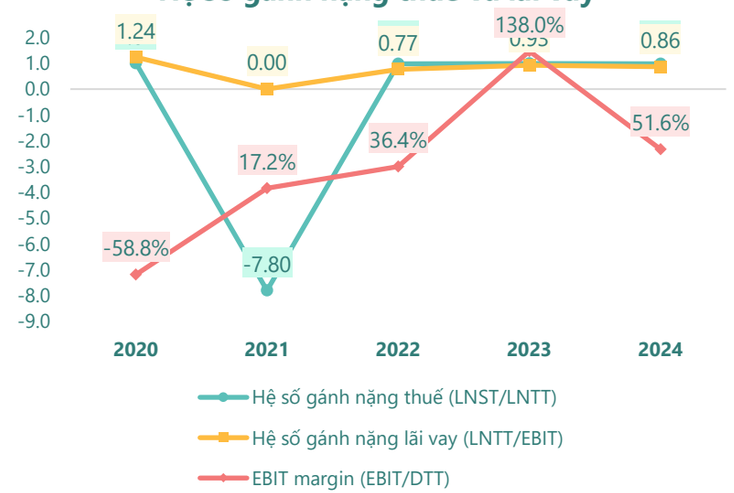
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



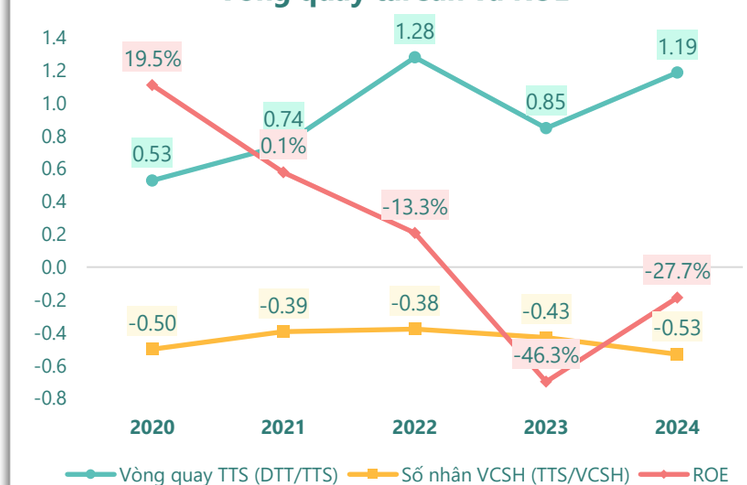
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



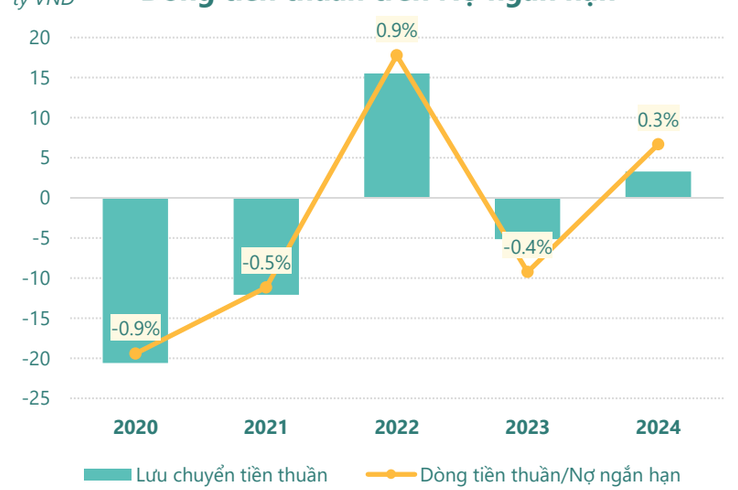
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**130**	**109**	**19.2%**	**496**	**438**	**13.3%**
Giá vốn hàng bán	110	110	-0.3%	427	446	-4.3%
Lợi nhuận gộp	20.3	-1.64	1337%	69.4	-8.12	954%
Doanh thu HĐTC	3.26	2.04	59.7%	11.2	7.18	56.0%
Chi phí TC	9.22	14.2	-35.1%	38.9	50.4	-22.9%
Chi phí lãi vay	8.18	10.4	-21.3%	35.2	43.5	-19.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.48	1.31	13.2%	6.12	5.59	9.4%
Chi phí QLDN	**10.6**	**7.70**	**37.3%**	**36.2**	**30.9**	**17.1%**
LN thuần từ HĐKD	2.27	-22.8	110%	-0.64	-87.8	99.3%
Lợi nhuận khác	**31.6**	**79.6**	**-60.3%**	**221**	**648**	**-65.8%**
LN trước thuế	33.9	56.8	-40.3%	221	560	-60.6%
Lợi nhuận sau thuế	**33.2**	**56.2**	**-41.0%**	**218**	**558**	**-60.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**33.2**	**56.2**	**-41.0%**	**218**	**558**	**-60.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.19	-56.5	32.6	22.5	18.2	53.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.2	91.2	1.02	-5.60	2.25	22.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.2	-17.6	-33.3	-34.7	-3.25	-71.6
Tiền đầu kỳ	27.5	13.0	29.3	30.0	11.9	29.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-15.2**	**17.1**	**0.38**	**-17.8**	**17.2**	**3.46**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.74	-0.88	0.35	-0.35	-0.08	0.13
Tiền cuối kỳ	13.0	29.3	30.0	11.9	29.0	32.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**378**	**459**	**-17.6%**
Tài sản ngắn hạn	208	226	-7.7%
Tiền và tương đương tiền	32.6	29.3	11.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	135	154	-12.7%
Hàng tồn kho	28.7	30.7	-6.6%
Tài sản ngắn hạn khác	12.4	11.6	7.2%
Tài sản dài hạn	**170**	**233**	**-27.2%**
Phải thu dài hạn	23.3	23.2	0.3%
Tài sản cố định	123	181	-31.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.63	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**21.3**	**26.7**	**-20.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,047	1,365	-23.3%
Nợ ngắn hạn	**943**	**1,196**	**-21.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	241	339	-29.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.9	12.5	34.5%
Nợ dài hạn	104	168	-37.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	96.0	160	-39.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-669**	**-906**	**26.1%**
Vốn chủ sở hữu	**-669**	**-906**	**26.1%**
Vốn điều lệ	690	670	3.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)